

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Chín và 9 tháng năm 2017

Trong 9 tháng 2017, bằng các chương trình, kế hoạch công tác lớn, với tinh thần chỉ đạo quyết liệt, sâu sắc, với sự đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, ngay từ đầu năm, các cấp, các ngành và nhân dân Thủ đô đã triển khai quyết liệt các nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, một số kết quả chủ yếu trong 9 tháng năm 2017 đạt được như sau: Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (giá hiện hành) tăng 10,2%; tổng mức bán hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng 9,6%; kim ngạch xuất khẩu tăng 8,7%; kim ngạch nhập khẩu tăng 22,6%; Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các nhu cầu đầu tư khác cũng như đảm bảo thanh khoản của các tổ chức tín dụng.

1. Sản xuất công nghiệp

1.1. Tình hình sản xuất kinh doanh

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Chín tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành khai khoáng tăng 12,6% và 1,5%; Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 2,3% và 13,7%; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt tăng 2% và tăng 16,5%; Cung cấp nước và hoạt động thu gom xử lý rác, nước thải tăng 0,9% và 9,8%.

Cộng dồn 9 tháng, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành khai khoáng giảm 21,8%; Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 7,4%; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt tăng 8,7%; Cung cấp nước và hoạt động thu gom xử lý rác, nước thải tăng 4,8%. Một số ngành có tốc độ tăng chỉ số sản xuất cao so với tốc độ tăng chung của toàn ngành như: Sản xuất đồ uống (tăng 9%); Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (tăng 21,3%); Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính (tăng 26,3%); Sản xuất xe có động cơ (tăng 13,8%); Sản xuất giường tủ bàn ghế (tăng 15,3%)... Một số ngành, phục hồi chậm, tốc độ tăng thấp hoặc sản xuất giảm so với cùng kỳ như: Sản xuất thuốc lá (tăng 1,6%); dệt (giảm 0,3%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (giảm 6%); sản xuất thiết bị điện (tăng 0,2%);...

Tháng Chín năm 2017 so với tháng trước, một số sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp Hà Nội tăng như: kẹo các loại (tăng 21,8%); Áo sơ mi người lớn dệt kim (tăng 34,6%); Bê tông trộn sẵn (tăng 8,8%); Trạm thiết bị thu phát gốc (tăng 11,4%); Tủ lạnh các loại (tăng 30%);...

1.2. Tình hình biến động lao động trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp

Tháng Chín, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng 0,6% so với tháng trước. Trong đó: khu vực kinh tế nhà nước ổn định, khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 0,2%, Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1%.

Chia theo ngành kinh tế cấp I: Ngành Khai khoáng tăng 0,5%; Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 0,7%; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt ổn định; Cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 0,04%.

Một số ngành kinh tế có chỉ số sử dụng lao động tháng Chín tăng so với tháng trước như: sản xuất thuốc lá (tăng 0,3%), sản xuất da và sản phẩm liên quan (tăng 0,7%), sản xuất kim loại (tăng 0,3%), sản xuất sản phẩm điện tử và máy tính (tăng 1,9%)... Một số ngành, chỉ số sử dụng lao động giảm như: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (giảm 0,3%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (giảm 0,4%), sản xuất xe có động cơ (giảm 0,2%)...

2. Vốn đầu tư và đăng ký doanh nghiệp

2.1. Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn

Thành phố đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản, trong đó tập trung kiện toàn các Ban quản lý dự án, tháo gỡ khó khăn, đơn đốc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục giải ngân vốn đầu tư,....

Ước tính 9 tháng năm 2017 vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 198.413 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: vốn nhà nước trên địa bàn, tăng 2,1%; vốn ngoài nhà nước tăng 18,5%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 6,1% so với cùng kỳ.

Chia theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chiếm tỷ trọng 56%, tăng 11,6% so cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất, chiếm tỷ trọng 24,1%, tăng 5,3%; Vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản, chiếm tỷ trọng 7,2%, tăng 9,3%; Vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động, chiếm tỷ trọng 11%, tăng 16,3%; Vốn đầu tư khác, chiếm tỷ trọng 1,7%, tăng 6,8%.

Nhìn chung, các chủ đầu tư, ban quản lý, đơn vị thi công các công trình trọng điểm của thành phố được triển khai đảm bảo theo yêu cầu, ước tính 9 tháng, khu vực vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 23.603 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ, đạt 72,9% kế hoạch năm. Đối với các dự án chưa giải ngân hoặc giải ngân chậm, chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện, đồng thời đánh giá khả năng thực hiện của từng dự án để xem xét đề xuất điều chỉnh.

**** Tiến độ một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố***

- Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - ga Hà Nội: Đẩy mạnh tiến độ thi công các ga trên cao, triển khai rào và thi công đoạn dốc hạ ngầm gói thầu CP03, đôn đốc gói thầu CP05 đẩy nhanh tiến độ thi công các tòa nhà Depot, tạm ứng và khởi công gói thầu CP08, tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng các ga ngầm ...

- Dự án mở rộng đường vành đai 3 (Đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long): Tổng chiều dài dự án 5,5 km, sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Thành phố. Đến nay dự án đã thi công được trên 50%, nhiều đoạn được mở rộng và bắt đầu thảm nhựa.

- Dự án Trường THCS Thanh Am, quận Long Biên đã được khánh thành vào đầu tháng Chín và được gắn biển công trình chào mừng kỷ niệm 72 năm Quốc khánh 2/9, dự án có tổng mức đầu tư 127 tỷ đồng được khởi công từ tháng 11/2016, ngoài khuôn viên vườn hoa, sân đường, trường gồm 3 khối nhà học và nhà hiệu bộ, gồm 24 phòng học, các phòng chức năng và các công trình phụ trợ.

Bước vào năm học mới, quận Cầu Giấy đã khánh thành một số trường học, kinh phí xây dựng (trường Mầm non Ánh Sao, Tiểu học An Hòa, THCS Dịch Vọng, THCS Mai Dịch) và tiến hành cải tạo sửa chữa 11 trường học hết gần 750 tỷ đồng. Những ngôi trường này đã chào đón năm học 2017-2018. Trong đó: Công trình xây dựng trường mầm non Ánh Sao được khởi công vào tháng 11 năm 2016 do UBND quận Cầu Giấy làm Chủ đầu tư, công trình được xây dựng trên khu đất có diện tích 7.540 m² với tổng mức đầu tư 148 tỷ đồng, trường đạt tiêu chí trường chuẩn Quốc gia, đây là công trình được lựa chọn gắn biển chào mừng 20 năm thành lập quận.

2.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài và đăng ký thành lập doanh nghiệp

Thành phố chỉ đạo tích cực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng cường hỗ trợ giúp đỡ nhà đầu tư, doanh nghiệp từ khâu đăng ký kinh doanh đến triển khai dự án và giải quyết các yêu cầu tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện. Thu hút vốn đầu tư đạt kết quả tích cực: Lũy kế 9 tháng đầu năm, tiếp nhận 125 dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách với số vốn đăng ký 84.120 tỷ đồng; 398

dự án FDI vốn đăng ký cả cấp mới và tăng vốn là 2,16 tỷ USD; 22 dự án PPP vốn đầu tư 60.000 tỷ đồng; cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 18.685 đơn vị, tăng 10% so cùng kỳ với số vốn đăng ký 144.100 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2016.

3. Thương mại dịch vụ

3.1. Nội thương

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng Chín đạt 208.617 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ đạt 49.775 tỷ đồng, tăng 1,7% và 15,1%.

Tính chung 9 tháng, tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 1.719 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ đạt 405 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8%.

Xét theo ngành kinh tế, tổng mức bán lẻ 9 tháng qua ở khu vực Nhà nước đạt 55 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,6% và tăng 7,1% so cùng kỳ; khu vực ngoài nhà nước đạt 308 nghìn tỷ đồng, chiếm 76% và tăng 10,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 42 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,4% và tăng 6,4%. Xét theo ngành hoạt động, ngành thương nghiệp đạt 208 nghìn tỷ, chiếm 51,3% và tăng 11,6% (Trong đó: Lương thực, thực phẩm tăng 0,5%; hàng may mặc tăng 16,5%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 11,5%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 33,7%;...); ngành khách sạn, nhà hàng đạt 38 nghìn tỷ, chiếm 9,4% và tăng 10,2%; ngành du lịch lữ hành đạt 7 nghìn tỷ, chiếm 1,7% và tăng 6,5% và ngành dịch vụ đạt 152 nghìn tỷ, chiếm 37,6% và tăng 7,4%.

3.2. Ngoại thương

- **Xuất khẩu:** Kim ngạch xuất khẩu tháng Chín đạt 969 triệu USD, giảm 1,3% so tháng trước và tăng 10,5% so cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 805 triệu USD, giảm 1,3% và tăng 9,9%. Nguyên nhân xuất khẩu tháng này tăng cao so với cùng kỳ do có nhiều mặt hàng xuất khẩu tăng cao như giày dép các loại và sản phẩm từ da tăng 100,9%; hàng điện tử tăng 98,9%; hàng nông sản tăng 64,7% (hàng nông sản tăng do hiện nay nhiều công ty Việt Nam trúng thầu những đơn hàng lớn từ Philippin trong khi đó gạo là mặt hàng chủ lực vừa thu hoạch xong còn đối thủ Thái Lan thì một tháng nữa mới thu hoạch và cà phê trên thị trường thế giới đang được giá).

Tính chung 9 tháng, kim ngạch xuất khẩu đạt 8.593 triệu USD, tăng 8,7% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 7.131 triệu USD, tăng 10,7%.

Đóng góp nhiều nhất vào mức tăng kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng qua là hàng điện tử tăng 41,1%; xăng dầu 39,8%; máy móc thiết bị phụ tùng tăng 24,1%; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 32,1%;... Bên cạnh sự tăng trưởng ổn định và phục hồi của các đa số mặt hàng xuất khẩu chủ lực thì vẫn còn những ngành hàng gặp nhiều khó khăn như nhóm hàng may và dệt, giảm 0,1% so cùng kỳ do các doanh nghiệp ngành dệt may hiện nay gặp nhiều khó khăn trong việc ký kết các hợp đồng dài hạn; giảm giá thành gia công từ các thị trường Mỹ và EU; đối tác yêu cầu cao hơn về kỹ thuật và khả năng đáp ứng với yêu cầu mới của doanh nghiệp còn hạn chế; giá nhân công tăng, doanh nghiệp gặp khó khăn do giảm nhân sự (công nhân chuyển sang làm tại các nhà máy khác) nên khả năng đáp ứng các đơn hàng bị hạn chế.

- **Nhập khẩu:** Kim ngạch nhập khẩu tháng Chín đạt 2.690 triệu USD, tăng 1,2% so tháng trước và tăng 28,6% so cùng kỳ. Trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 1.200 triệu USD, tăng 1,2% và 30,1%.

Tính chung 9 tháng, kim ngạch nhập khẩu đạt 21.953 triệu USD, tăng 22,6% so cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu địa phương đạt 9.757 triệu USD, tăng 22,6%.

Chia theo ngành hàng nhập khẩu: Trong 9 tháng qua, nhập khẩu máy móc thiết bị, phụ tùng tăng 21,3%; vật tư, nguyên liệu tăng 11,4% (trong đó, xăng dầu tăng 52,4%; chất dẻo tăng 23,3%;...) và hàng hóa khác tăng 32,9%.

3.3. Du lịch

Trong 9 tháng qua, du lịch Thủ đô đã khẳng định vai trò, vị trí là ngành kinh tế lớn, tốc độ tăng trưởng ổn định, quy mô hoạt động ngày càng mở rộng, đóng góp có hiệu quả vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô. Hoạt động du lịch tiếp tục duy trì được nhịp độ phát triển; hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch được mở rộng. Sản phẩm du lịch được chú trọng về chất và lượng, từng bước xã hội hóa, đa dạng hóa các hình thức đầu tư, thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn để phát triển du lịch. Mặt khác, những năm gần đây, Hà Nội luôn được các tạp chí du lịch uy tín hàng đầu thế giới bình chọn là một trong những điểm đến du lịch hấp dẫn nhất Châu á, đặc biệt Hà Nội được tạp chí Trip Advisor liên tiếp bầu chọn là điểm đến hấp dẫn thứ 2 Châu á và trong top 10 thế giới. Qua đó, khách quốc tế đến Hà Nội liên tục tăng cao trong những năm gần đây.

- **Khách quốc tế:** Khách quốc tế đến lưu trú tại Hà Nội tháng Chín đạt 321 nghìn lượt khách tăng 5,9% so tháng trước và tăng 89,2% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng, khách quốc tế đến lưu trú tại Hà Nội đạt 2.649 nghìn lượt khách, tăng 27,6% so cùng kỳ.

Chia theo mục đích chuyến đi: Trong 9 tháng qua, khách quốc tế đến Hà Nội với mục đích du lịch, nghỉ ngơi đạt 2.247 nghìn lượt khách, tăng 29,7% so cùng kỳ; khách đến vì công việc đạt 345 nghìn lượt, tăng 28,5%; khách đến với mục đích thăm thân nhân đạt 6 nghìn lượt, tăng 14,7% và đến với mục đích khác đạt 51 nghìn lượt, giảm 26,8% so cùng kỳ. *Chia theo phương tiện:* Khách đến bằng đường hàng không đạt 2.339 nghìn lượt, tăng 30,1%; khách đến bằng đường biển, giấy thông hành đạt 310 nghìn lượt, tăng 11,6%. *Chia theo thị trường:* Khách đến từ Trung Quốc đạt 449 nghìn lượt, tăng 38,2%; Hàn Quốc 435 nghìn lượt, tăng 64,1%; Nhật Bản 210 nghìn lượt, tăng 17,5%; Pháp 144 nghìn lượt, tăng 16,7%;...

- *Khách nội địa:* Khách trong nước đến Hà Nội tháng Chín đạt 829 nghìn lượt khách, tăng 0,7% so tháng trước và tăng 0,9% so cùng kỳ. Tính chung 9 tháng, khách trong nước đến Hà Nội đạt 7.368 nghìn lượt khách, tăng 4,2% so cùng kỳ.

- *Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành* tháng Chín đạt 5.280 tỷ đồng, tăng 1,1% so tháng trước và tăng 12,1% so cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, doanh thu đạt 45.325 tỷ đồng, tăng 9,6% so cùng kỳ.

3.4. Vận tải

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Chín đạt 58 triệu tấn, tăng 0,5% so tháng trước và tăng 9,2% so cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 4.674 triệu tấn.km, tăng 0,8% và tăng 7,5%; doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 2.357 tỷ đồng, tăng 0,5% và tăng 6,7%. Tính chung 9 tháng, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 511 triệu tấn, tăng 8,4% so cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 41.549 triệu tấn.km, tăng 8,7% và doanh thu đạt 20.972 tỷ đồng, tăng 7,9%.

Vận chuyển hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển tháng Chín đạt 45 triệu hành khách, tăng 0,9% so tháng trước và tăng 9,8 so cùng kỳ; số lượt hành khách luân chuyển đạt 1.358 triệu hành khách.km, tăng 0,5% và 12,1%; doanh thu vận chuyển hành khách đạt 1.153 tỷ đồng, tăng 1,4% và 10,2%. Tính chung 9 tháng, số lượt hành khách vận chuyển đạt 392 triệu hành khách, tăng 6,9% so cùng kỳ; số lượt hành khách luân chuyển đạt 11.763 triệu hành khách.km, tăng 10,1%; doanh thu đạt 9.890 tỷ đồng, tăng 7,9%.

Doanh thu hỗ trợ vận tải (cảng, bốc xếp, đại lý vận tải,...) tháng Chín đạt 3.199 tỷ đồng, tăng 0,7% so tháng trước và 6,6% so cùng kỳ. Tính chung 9 tháng, doanh thu đạt 28.510 tỷ đồng, tăng 6,7%.

3.5. Thị trường giá cả

Dự kiến chỉ số giá tiêu dùng của Hà Nội tháng 9/2017 sẽ tăng. Nguyên nhân khiến chỉ số giá tháng này tăng là do nhóm lương thực thực phẩm là hai nhóm có quyền số lớn nhất trong rổ hàng hóa tăng. Do ảnh hưởng của đợt bão vừa qua các tỉnh miền Trung bị thiệt hại nặng nề nên một lượng gạo lớn được chuyển vào miền Trung khiến cho giá gạo tăng lên. Giá gạo tăng khiến cho nhóm lương thực tăng, thêm vào đó là giá sản phẩm cũng tăng do vào cuối vụ. Mặc dù giá thịt lợn tháng này có dấu hiệu giảm nhưng chỉ số nhóm thực phẩm vẫn tăng, nguyên nhân khiến nhóm thực phẩm tăng là do tăng các loại tôm, cua, cá, vịt, ngan tăng. Nhóm rau khả năng sẽ tiếp tục tăng do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều khiến rau bị dập, một số loại rau trái vụ như bắp cải, su hào,... tăng mạnh; rau muống, đỗ quả giảm. Giá xăng dầu tăng khiến cho nhóm giao thông tăng. Đối với nhóm vật liệu xây dựng thì thép tiếp tục tăng, đá cát sỏi dự báo sẽ tăng nhẹ do chi phí vận chuyển tăng, gạch giảm nhẹ, các mặt hàng khác đứng giá. Một số đồ dùng gia đình như ổn áp, giường, tủ,... tăng nhẹ khiến cho nhóm đồ dùng khả năng sẽ có chỉ số tăng nhưng mức tăng không đáng kể. Vào năm học mới, các trường đại học, cao đẳng đã thu học phí, một số trường áp dụng mức tăng học phí mới nên dự kiến nhóm giáo dục sẽ có chỉ số tăng.

4. Sản xuất nông nghiệp

Từ đầu vụ mùa đến nay, thời tiết có mưa nhiều nên tương đối thuận lợi cho cây trồng phát triển. Hiện nay, lúa mùa ở hầu hết các quận, huyện, thị xã đã trổ bông, đang trong giai đoạn vào hạt, chắc xanh. Trà lúa sớm đã chín và chuẩn bị cho thu hoạch, trà trung đang trong giai đoạn chín sữa - chín sấp. Các cây hoa màu nhìn chung sinh trưởng, phát triển tốt và hiện đang ở giai đoạn phát triển chín, thu hoạch.

4.1. Trồng trọt

Về diện tích: Vụ Mùa, toàn thành phố đã gieo trồng được 114.140 ha lúa và hoa màu, giảm 3,8% so cùng kỳ năm 2016 do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, trong đó giảm chủ yếu ở cây lúa do chuyển từ đất trồng cây hàng năm sang nuôi trồng thủy sản 1.188 ha, chuyển sang trồng cây lâu năm 364 ha, chuyển sang đất phi nông nghiệp 567 ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, kênh mương, thủy lợi; ...

Trong đó, diện tích lúa đã cấy đạt 92.959 ha, giảm 4,8%; ngô 4.205 ha, tăng 5,8%; khoai lang 350 ha, giảm 6,7%; đậu tương 968 ha, giảm 22,1%; lạc 723 ha, giảm 8,1%; rau các loại 8.800 ha, tăng 1,7%; đậu các loại 291 ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước.

Về năng suất: Ước tính năng suất lúa đạt 53,1 tạ/ha, tăng 2,9% so với cùng kỳ; ngô 48 tạ/ha, tăng 0,4%; khoai lang 91 tạ/ha, giảm 0,7%; đậu tương 19

tạ/ha, giảm 0,5%; lạc 23 tạ/ha, giảm 2,8%; đậu các loại 16,9 tạ/ha, tăng 0,1% so với vụ mùa năm trước.

Về sản lượng: Lúa ước đạt 493.256 tấn, giảm 2,1%; ngô 20.183 tấn, tăng 6,2%; khoai lang 3.183 tấn, giảm 7,4%; đậu tương 1.663 tấn, giảm 29,9%; lạc 1.550 tấn, giảm 16,7%; rau các loại 174.615 tấn, tăng 1,5% so với vụ mùa năm 2016.

Nhìn chung các loại cây trồng đang trong thời kỳ phát triển tốt, nhưng đã xuất hiện sâu bệnh trên một số cây như: Cây lúa đã xuất hiện chuột gây hại nhẹ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh khô vằn, bệnh đốm sọc vi khuẩn gây hại; Cây ngô, xuất hiện bệnh khô vằn, bệnh đốm lá và chuột, rệp, sâu đục thân,...hại nhẹ rải rác; Cây lạc, cây đậu tương, xuất hiện chuột, bệnh đốm lá, sâu cuốn lá,...hại nhẹ.

*) *Cây lâu năm:* Ước tính diện tích cây lâu năm hiện có 20.817 ha, tăng 0,7% so cùng kỳ, trong đó, cây ăn quả 16.889 ha, tăng 0,8%; chè 3.304 ha, giảm 0,8%. Trong số cây ăn quả thì nhóm cây xoài, cây ăn quả nhiệt đới, cận nhiệt đới hiện có 7.343 ha, tăng 2,3%; nhóm cây cam, quýt và các loại quả có mùi khác 5.519 ha, giảm 4,8%; nhóm cây táo, mận và các loại quả có hạt 687 ha, giảm 3,5%; nhóm cây nhãn, vải, chôm chôm 2.985 ha, tăng 7,7%; nhóm cây ăn quả khác 355 ha, tăng 22%.

Về sản lượng một số cây như sau: Xoài 4.351 tấn, tăng 4,7%; chuối 60.694 tấn, tăng 5%; dừa 3.337 tấn, tăng 20,1%; đu đủ 12.377 tấn, tăng 5,6%; bưởi 13.255 tấn, tăng 3,2%; nhãn 12.217 tấn, giảm 44,2%; vải 6.025 tấn, giảm 29,6% so với cùng kỳ năm 2016.

4.2. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi trong tháng Chín tương đối ổn định và có xu hướng tăng. Tình hình một số đàn vật nuôi như sau: Đàn trâu, giảm 3,9% so với cùng kỳ; đàn bò, giảm 5,2% (trong đó, bò sữa giảm 3,7%); đàn lợn, giảm 4,5%; đàn gia cầm, tăng 8,7% so với cùng kỳ (trong đó, đàn gà tăng 13%).

Ước tính sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 9 tháng đạt 1.175 tấn, tăng 2,4%; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 7.437 tấn, tăng 2,5%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 246.779 tấn, tăng 4%; sản lượng thịt gà 52.178 tấn, tăng 4%; sản lượng thịt vịt 12.785 tấn, tăng 2,4%; sản lượng thịt ngan, ngỗng 2.095 tấn, tăng 4,9%. Sản lượng trứng gia cầm ước đạt 942 triệu quả, tăng 5,2%. Trong đó, trứng gà 579 triệu quả, tăng 5,2%; trứng vịt 359 triệu quả, tăng 5,5%; trứng ngan, ngỗng 4 triệu quả, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2016. Nhìn chung từ đầu năm đến nay, giá thịt hơi xuất chuồng không ổn định, có những tháng giá thịt lợn hơi xuống thấp đỉnh điểm nhất là từ đầu tháng Tư đến cuối tháng Sáu giá

thịt hơi có lúc xuống chỉ còn 15.000 - 22.000 đồng/kg. Từ đầu tháng Bảy đến nay giá cả đã có xu hướng nhích lên trung bình đạt 32.000 đồng/kg.

Về công tác phòng, chống dịch bệnh: Trong tháng không xảy ra những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như cúm gia cầm, lợn tai xanh, dịch lở mồm long móng. Hiện nay với thời tiết có nhiều bất thường nên công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm luôn được quan tâm và theo dõi chặt chẽ. Người dân cũng hiểu được sự cần thiết của việc tiêm phòng và chủ động mua vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm ngoài diện được hỗ trợ của Thành phố. Kết quả tiêm phòng một số loại vắc xin như sau: Vắc xin 4 bệnh đỏ 77.189 lượt con, trong đó dịch tả lợn: 58.039 lượt con; vắc xin tai xanh 22.935 lượt con; vắc xin lở mồm long móng lợn 22.525 lượt con; vắc xin cúm gia cầm 1.026 nghìn lượt con; vắc xin dại 4.584 lượt con; vắc xin tụ huyết trùng trâu bò 150 lượt con; vắc xin lở mồm long móng trâu bò 26.075 lượt con.

4.3. Lâm nghiệp

Ước tính 9 tháng 2017 diện tích rừng được trồng mới đạt 218 ha giảm 1% so với cùng kỳ, trong đó rừng sản xuất trồng mới 153 ha; rừng phòng hộ trồng được 65 ha. Diện tích rừng trồng được giao chăm sóc là 1.247 ha, tăng 0,03%. Diện tích rừng được giao khoán bảo vệ 10.884 ha, tăng 0,1%. Số cây lâm nghiệp phân tán đã trồng 790 nghìn cây, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2016.

Tình hình khai thác gỗ và lâm sản: Chủ yếu khai thác diện tích rừng trồng đến kỳ cho thu hoạch và cây lâm nghiệp trồng phân tán. Trong 9 tháng, sản lượng gỗ, củi khai thác ước đạt: Gỗ 7.150 m³, tăng 1,6%; củi khai thác 33.226 Ste, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2016.

Thiệt hại rừng: Trong tháng không xảy ra vụ cháy rừng nào, tính từ đầu năm đến nay đã xảy ra 13 vụ cháy rừng trên địa bàn Thành phố với diện tích 61,2 ha, giá trị thiệt hại ước tính khoảng 1.426 triệu đồng.

Từ đầu năm đến nay đã xử lý 85 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu 1.163 con động vật hoang dã; tổng gỗ quy tròn 38 m³ (trong đó, 30 m³ gỗ quý hiếm), phạt hành chính và bán lâm sản tịch thu được 1,9 tỷ đồng nộp ngân sách.

4.4. Thủy sản

Sản lượng thủy sản 9 tháng 2017 trên địa bàn Thành phố ước đạt 73.275 tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2016. *Theo loại thủy sản:* Sản lượng cá đạt 73.064 tấn, tăng 3,5%; tôm 51 tấn, bằng 100% so cùng kỳ và thủy sản khác 160 tấn, tăng 3,9%. *Theo phương thức:* Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 72.018 tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khai thác đạt 1.257 tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

5. Văn hóa xã hội, đời sống dân cư và trật tự an toàn giao thông

5.1. Văn hóa xã hội

- *Hoạt động biểu diễn nghệ thuật:* Các đơn vị biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đã tổ chức và tham gia biểu diễn trên 1.200 buổi, thu hút trên 550 nghìn lượt người xem.

- *Hoạt động thư viện:* Đã cấp trên 3.600 thẻ thư viện các loại cho bạn đọc; số lượt bạn đọc đến thư viện trên 57.000 lượt người; số lượt sách luân chuyển tại thư viện đạt trên 150.000 cuốn.

- *Hoạt động phát hành phim và chiếu bóng:* Đã tổ chức trên 3.400 buổi chiếu phim, các đội chiếu phim lưu động tiếp tục tổ chức các buổi chiếu phim miễn phí phục vụ quần chúng nhân dân các khu vực ngoại thành, các trường học, trại giam,.. được đông đảo bà con và nhân dân ủng hộ.

5.2. Đời sống dân cư và an sinh xã hội

5.2.1. Đời sống dân cư

Tiền lương bình quân của cán bộ công nhân viên trong Thành phố dao động từ 3,5 triệu đồng/tháng đến 5 triệu đồng/tháng, tuy tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế tăng trong những năm gần đây và thu nhập của dân cư có tăng thêm nhưng một bộ phận nông dân và cán bộ công chức có mức thu nhập trung bình hoặc thấp vẫn gặp rất nhiều khó khăn khi giá cả một số mặt hàng thiết yếu tăng lên.

Đối với khu vực nông thôn: Không nằm ngoài tình hình biến động về giá cả, người dân nông thôn Hà Nội đang phải chịu áp lực của quỹ chi tiêu ngày một nở rộ theo sức tăng của giá tiêu dùng trong khi nguồn thu nhập không tăng nhiều. Tuy nhiên, do có chính sách kinh tế của Nhà nước như thực hiện tích cực chủ trương dồn điền đổi thửa của huyện ủy, UBND các huyện đã cho phép các xã, HTX sản xuất nông nghiệp chuyển một số diện tích đất trồng trọt sản xuất không có hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng cây khác có giá trị kinh tế cao. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đầu tư vốn sản xuất cho nông nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất cây trồng ngày càng cao giúp cho thu nhập của nông dân có phần cải thiện hơn. Tính đến 17/9, trên địa bàn Thành phố không có hộ thiếu đói.

5.2.2. Giải quyết việc làm

Toàn thành phố đã giải quyết việc làm cho 127.000 người, đạt 83,5% kế hoạch, tương đương cùng kỳ năm trước; xét duyệt 3.950 dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm với số tiền 850 tỷ đồng, tạo việc làm cho 29.000 lao động.

Trung tâm dịch vụ việc làm đã tổ chức 155 phiên giao dịch việc làm với 4.126 doanh nghiệp, đơn vị tham gia; 58.100 chỉ tiêu tuyển dụng, tuyển sinh; 39.837 lao động được phỏng vấn; 16.879 lao động được tuyển dụng; tiếp nhận 32.095 hồ sơ đề nghị giải quyết trợ cấp thất nghiệp; trợ cấp thất nghiệp cho 31.444 người, với số tiền 499 tỷ đồng; quyết định hỗ trợ học nghề cho 1.266 người với số tiền 4 tỷ đồng.

5.2.3. An sinh xã hội

- *Thực hiện chính sách đối với người có công*: Thành phố đã tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt và giải quyết chế độ ưu đãi người có công cho 20.100 trường hợp; chi trả trợ cấp hàng tháng cho 93.405 người với số tiền 1.341 tỷ đồng.

Tính đến tháng Chín, toàn Thành phố đã vận động quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” được 68 tỷ đồng, đạt 370% kế hoạch; tặng 9.163 sổ tiết kiệm với kinh phí 12,5 tỷ đồng, đạt 261% kế hoạch; tu sửa, nâng cấp 269 công trình ghi công liệt sỹ với kinh phí 195 tỷ đồng, đạt 247% kế hoạch; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho 916 hộ gia đình người có công, với kinh phí vận động 41 tỷ đồng, đạt 250% kế hoạch; điều dưỡng luân phiên cho 9.726 lượt người có công, đạt 83,2% kế hoạch; 100% bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các cơ quan đơn vị nhận phụng dưỡng; tặng 189 xe lăn cho thương binh có nhu cầu sử dụng; giới thiệu việc làm và hỗ trợ học nghề cho 14 con liệt sỹ, con thương binh; tổ chức thăm hỏi, tặng 481.824 suất quà cho người hưởng chính sách ưu đãi có công với tổng số tiền là 199 tỷ đồng.

- *Đảm bảo an sinh xã hội*: Chín tháng qua, Thành phố đã tiếp nhận 582 người vào các trung tâm bảo trợ xã hội, trong đó có 388 người lang thang; đề nghị cấp mới 357 thẻ xe buýt cho người khuyết tật; thăm hỏi và hỗ trợ đột xuất gia đình 18 nạn nhân trong 3 vụ hỏa hoạn với số tiền 78 triệu đồng. Tính đến nay, số đối tượng bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng tại các trung tâm bảo trợ là 2.599 người, đạt 100,3% kế hoạch.

Đối với công tác khuyến khích hỏa táng, Ban tang lễ thành phố đã thực hiện chi trả 52 tỷ đồng cho người dân nhằm hỗ trợ hỏa táng theo phương thức trực tiếp, đạt 57,7% kế hoạch. Tính đến nay, Ban tang lễ đã thực hiện 11.182 ca hỏa táng; giải quyết 877 trường hợp mai táng tại các nghĩa trang của Thành phố.

5.3. Tình hình dịch bệnh và thiên tai

Trong 3 tháng đầu năm, do thời tiết tương đối ổn định nên trên địa bàn Thành phố đã không xảy ra dịch bệnh và thiên tai.

Trong 6 tháng tiếp theo, do thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều nên đã bùng phát dịch sốt xuất huyết trên toàn Thành phố. Hiện nay, Hà Nội đã ghi nhận 27.033 bệnh nhân mắc sốt xuất huyết và đã có 7 trường hợp tử vong; số bệnh nhân đã

khỏi 24.908 người, chiếm 92,1%; hiện còn 2.125 bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện. Số ổ dịch đã được khống chế (qua 14 ngày không xuất hiện thêm bệnh nhân mới) đạt 3.531 ổ, chiếm 89,4%.

Trước chiều hướng gia tăng của dịch bệnh và thực hiện công điện của Thủ tướng Chính phủ, Thành ủy và UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã quyết liệt triển khai các biện pháp phòng chống dịch sốt xuất huyết.

Đến nay 100% số xã, phường đã thành lập đội xung kích diệt bọ gây chống dịch và tổ giám sát phòng chống dịch sốt xuất huyết, đây là lực lượng lòng cốt tham gia công tác vệ sinh môi trường diệt bọ gây (tổng số có 26.038 đội xung kích với 63.119 người tham gia và 4.638 tổ giám sát với 10.095 người tham gia).

Các đơn vị quận, huyện, thị xã tiếp tục triển khai chiến dịch tổng vệ sinh môi trường diệt bọ gây phòng chống sốt xuất huyết tại các xã, phường, thị trấn. Thực hiện tổng vệ sinh môi trường tại các khu vực công cộng, đường làng, ngõ xóm, chợ, vườn hoa,.. thu gom rác thải, phế liệu, các dụng cụ chứa nước và tổ chức phun hóa chất diệt muỗi tại các ổ dịch, các xã phường trọng điểm, trường học, công trường có công nhân và chợ dân sinh. Triển khai mạnh mẽ hoạt động truyền thông phòng, chống dịch trong các trường học, tổ chức phát tờ hướng dẫn diệt bọ gây tại nhà cho học sinh.

Sở Y tế quyết liệt chỉ đạo các bệnh viện thực hiện tốt công tác khám phân loại, cấp cứu, điều trị bệnh nhân sốt xuất huyết do vậy số lượng bệnh nhân đến điều trị tại các bệnh viện trong các ngày gần đây có xu hướng giảm so với thời điểm trước.

5.4. Trật tự xã hội, an toàn giao thông

Tình hình trật tự xã hội và an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội tháng Tám như sau:

- Phạm pháp hình sự: Đã phát hiện 463 vụ phạm pháp hình sự, tăng 2,9% so tháng trước (trong đó, số vụ do công an khám phá được là 359 vụ, tăng 0,6%); số đối tượng vi phạm bị bắt, giữ theo Luật là 499 người, giảm 6,4% so với tháng trước.

- Phạm pháp về kinh tế: Đã phát hiện 203 vụ, bắt giữ 211 người, giảm 34,9% về số vụ và 33,9% về đối tượng so với tháng trước. Thu nộp ngân sách 66 tỷ đồng.

- Tệ nạn xã hội: Đã phát hiện 32 vụ cờ bạc, tăng 10,3% so tháng trước và bắt giữ 159 người, tăng 6%.

Đã phát hiện 18 vụ mại dâm và bắt giữ 18 người.

- Đã phát hiện 255 vụ buôn bán, tàng trữ và vận chuyển ma túy; bắt giữ 305 đối tượng, giảm 3,4% về số vụ và 5,6% về đối tượng so với tháng trước.

- Đã phát hiện và xử lý 813 vụ với 817 đối tượng vi phạm về bảo vệ môi trường, thu nộp ngân sách 4 tỷ đồng.

- Trật tự an toàn giao thông: Tháng Tám, toàn Thành phố đã xảy ra 111 vụ tai nạn giao thông, làm 48 người chết và 72 người bị thương. Trong đó, có 108 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 45 người chết, 72 người bị thương; 03 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm 03 người chết.

Chia theo mức độ tai nạn: Đặc biệt nghiêm trọng 1 vụ, làm 3 người chết; mức độ nghiêm trọng 45 vụ, làm 45 người chết, 11 người bị thương; ít nghiêm trọng có 24 vụ, làm 34 người bị thương; va chạm 41 vụ, làm 27 người bị thương.

6. Tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán

6.1. Thu, chi ngân sách nhà nước

****) Thu ngân sách Nhà nước***

Tính chung 9 tháng 2017, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 146.422 tỷ đồng, tăng 16,2% so cùng kỳ và đạt 71,5% so dự toán pháp lệnh giao. Trong đó, thu từ dầu thô đạt 1.689 tỷ, tăng 23,4% so cùng kỳ và bằng 93,8% so dự toán; thu nội địa đạt 131.775 tỷ đồng, tăng 16,6% và bằng 70,9%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 12.958 tỷ đồng, tăng 15,7% và bằng 75,4%.

Trong tổng thu nội địa 9 tháng qua, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước Trung ương đạt 27.327 tỷ đồng, tăng 7,7% so cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 1.769 tỷ đồng, tăng 17%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 16.815 tỷ đồng, tăng 23,2%; từ thuế thu nhập cá nhân đạt 13.614 tỷ đồng, tăng 22%; thu tiền sử dụng đất đạt 23.118 tỷ đồng, tăng 20,8%;...

****) Chi ngân sách địa phương:*** Chi ngân sách địa phương 9 tháng ước đạt 41.703 tỷ đồng, đạt 53,6% dự toán. Trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 17.060 tỷ đồng, đạt 51% so với dự toán; chi thường xuyên đạt 24.643 tỷ đồng, đạt 58,9% so dự toán.

6.2. Tín dụng ngân hàng

****) Hoạt động huy động vốn:*** Trong 9 tháng năm 2017, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã nỗ lực sử dụng các biện pháp huy động vốn, nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế vào hệ thống ngân hàng tăng trưởng khá, tháng sau cao hơn tháng trước. Tính đến hết tháng Chín, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng

trên địa bàn ước đạt 2.528 nghìn tỷ đồng, tăng 14,9% so đầu năm. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm tăng 14,8%; tiền gửi thanh toán tăng 16,1%; tiền gửi VNĐ tăng 17,3%; tiền gửi ngoại tệ tăng 6,9% so với đầu năm.

Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, khách hàng, các nhu cầu đầu tư khác cũng như đảm bảo thanh khoản của các tổ chức tín dụng.

**) Hoạt động tín dụng:* Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và UBND Thành phố, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã tích cực thực hiện các biện pháp tăng trưởng tín dụng, tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Triển khai các chương trình tín dụng đối với ngành, lĩnh vực, tín dụng chính sách nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, các chương trình, dự án phát triển kinh tế của địa phương để đáp ứng vốn cho nền kinh tế.

Đến hết tháng Chín, tổng dư nợ tín dụng (bao gồm cả cho vay và đầu tư) của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước đạt 1.534 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6% so với cuối năm 2016. Trong đó, dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 1.330 nghìn tỷ đồng, chiếm 86,7% trong tổng dư nợ và tăng 15,7% so cuối năm 2016; dư nợ ngắn hạn chiếm 36% và tăng 16,5%; dư nợ trung và dài hạn chiếm 50,7% và tăng 15,2%; dư nợ cho vay bằng VNĐ chiếm 75,9%, tăng 15,9%; dư nợ bằng ngoại tệ chiếm 10,8%, tăng 14,6%.

Các tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng đi đôi với việc đảm bảo an toàn, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn tín dụng. Do đó, dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng đã có sự tăng trưởng tín dụng ngay từ những tháng đầu năm.

Cho vay theo chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp: Tính đến ngày 31/8, cam kết cho vay theo chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp là 344.496 tỷ đồng; dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 324.844 tỷ đồng. Lãi suất cho vay của chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp phổ biến từ 6-6,5%/năm với các khoản vay ngắn hạn, 8-9%/năm đối với các khoản vay trung và dài hạn. Đặc biệt, một số doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ưu tiên và có xếp hạng tín dụng tốt vay vốn các ngân hàng thương mại lớn được hưởng lãi suất ưu đãi dưới 6%/năm.

Chất lượng tín dụng và tình hình thanh khoản:

Tình hình nợ quá hạn: Tính đến hết tháng Tám, nợ quá hạn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn chiếm 2,99% trong tổng dư nợ và chiếm 3,46% trong tổng dư nợ cho vay.

Tình hình thanh khoản: Các tổ chức tín dụng luôn chú trọng nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn hệ thống, tích cực cơ cấu lại tài sản có, tài sản nợ,

luôn đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn trong hoạt động ngân hàng, đảm bảo thanh khoản và khả năng chi trả ngay, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

6.3. Thị trường chứng khoán

Kết thúc phiên giao dịch ngày 18/9, trên hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.002 doanh nghiệp niêm yết, tăng 209 doanh nghiệp so với đầu năm và được tập trung niêm yết chủ yếu tại sàn giao dịch Upcom (trong đó: HNX có 378 doanh nghiệp niêm yết; Upcom có 624 doanh nghiệp đăng ký giao dịch), với giá trị niêm yết đạt 326.616 tỷ đồng, tăng 36,1% so đầu năm (trong đó: HNX đạt 113.138 tỷ đồng, tăng 3%; Upcom đạt 213.478 tỷ đồng, tăng 64,2%). Giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt 660.638 tỷ đồng, tăng 45,2% so đầu năm (trong đó: HNX đạt 193.607 tỷ đồng, tăng 27,5%; Upcom đạt 467.031 tỷ đồng, tăng 54,1%).

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX)

Sự lạc quan của các nhà đầu tư tiếp tục thể hiện trên sắc xanh của những chỉ số chứng khoán. Xu hướng tăng trong trung và dài hạn vẫn được nhiều nhà đầu tư kỳ vọng, đặc biệt hiện nay chính sách đang theo xu hướng nới lỏng và thanh khoản trong hệ thống ngân hàng vẫn đang dồi dào.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 18/9, chỉ số HNXIndex đạt 105,13 điểm, tăng 31,2% so với đầu năm (chỉ số HNX30 đạt 194,88 điểm, tăng 35,8%).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Chín, khối lượng giao dịch đạt 519 triệu CP, với giá trị giao dịch đạt 6.265 tỷ đồng (trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 472 triệu CP, giao dịch thỏa thuận đạt 47 triệu CP, với giá trị giao dịch lần lượt là 5.557 tỷ đồng và 708 tỷ đồng). Bình quân một phiên giao dịch có 47 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng bình quân đạt 570 tỷ đồng, bằng 77% về khối lượng và 91,9% về giá trị so bình quân chung tháng trước.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 9.638 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng đạt 102.120 tỷ đồng, tăng 13,2% về khối lượng và 5,2% về giá trị so cùng kỳ năm trước.

Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom)

Kết thúc phiên giao dịch ngày 18/9, chỉ số Upcom Index đạt 54,54 điểm, tăng 1,3% so đầu năm.

Trong những phiên giao dịch đầu tháng Chín, khối lượng giao dịch đạt 121 triệu CP, giá trị giao dịch đạt 2.099 tỷ đồng. Bình quân một phiên giao dịch có 11 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng bình quân đạt 191 tỷ đồng, tăng 14,6% về khối lượng và 24,5% về giá trị so bình quân chung của tháng trước.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 1.869 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng đạt 31.156 tỷ đồng, tăng 28,5% về khối lượng và 48,2% về giá trị so cùng kỳ năm trước.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư

Tháng Tám, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp được 312 mã số giao dịch cho các nhà đầu tư nước ngoài (trong đó: Tổ chức 40; cá nhân 272). Lũy kế từ đầu năm, VSD đã cấp được 1.790 mã số (trong đó: Tổ chức 291; cá nhân 1.499), tăng 61,4% so cùng kỳ. Đưa tổng số mã hiện có lên 22.028 (trong đó, tổ chức 3.425; cá nhân 18.603).

Cũng trong tháng Tám, số tài khoản của các nhà đầu tư được mở mới đạt 21.756 tài khoản (trong đó, nhà đầu tư trong nước là 21.447; nhà đầu tư nước ngoài 309). Lũy kế từ đầu năm, số tài khoản của các NĐT được cấp mới đạt 143.741 tài khoản, tăng 34,4% so cùng kỳ, đưa tổng số tài khoản của các nhà đầu tư hiện có đạt 1.849.868 tài khoản.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Khải

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Chính thức		Ước tính		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng Chín so với cùng kỳ năm trước
	tháng 8 năm 2017		tháng 9 năm 2017		
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng 8 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng 9 năm 2016	
Toàn ngành	106.12	105.43	108.67	113.59	106.70
Khai khoáng	53.62	92.19	60.39	101.50	78.17
- Khai khoáng khác	17.25	91.11	17.67	93.33	77.76
- Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	58.70	92.23	66.36	101.83	78.18
Công nghiệp chế biến, chế tạo	106.93	105.15	109.39	113.71	107.42
- Sản xuất chế biến thực phẩm	98.05	85.94	103.29	93.71	111.33
- Sản xuất đồ uống	112.65	121.20	122.09	129.40	108.96
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	117.84	102.45	111.25	100.81	101.60
- Dệt	162.04	177.17	183.71	146.75	99.74
- Sản xuất trang phục	106.19	112.63	123.17	142.51	106.42
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	79.40	128.12	76.07	128.97	121.29
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	150.26	118.88	150.78	104.97	107.45
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	61.04	114.89	58.25	107.45	120.11
- In, sao chụp bản ghi các loại	138.72	77.72	148.82	95.31	110.89
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	77.27	99.34	74.97	99.92	105.93
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	109.01	90.75	98.77	116.65	104.93
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	139.85	105.31	134.77	105.93	93.98
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	101.33	103.94	107.48	105.45	106.30
- Sản xuất kim loại	60.47	94.09	62.87	104.39	101.96
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	84.15	88.45	82.57	106.35	101.18

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 8 năm 2017		Ước tính tháng 9 năm 2017		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng Chín so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng 8 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng 9 năm 2016	
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	133.20	118.94	131.47	122.55	126.28
- Sản xuất thiết bị điện	80.92	87.90	82.08	101.30	100.17
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	110.27	109.50	104.46	113.11	106.34
- Sản xuất xe có động cơ	113.19	107.72	118.08	117.34	113.75
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	107.80	106.54	103.96	106.68	111.07
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	118.99	120.67	119.96	144.15	115.32
- Công nghiệp chế biến chế tạo khác	84.06	96.14	96.19	107.75	101.56
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	54.45	68.47	55.77	107.86	99.71
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	132.52	113.52	135.14	116.45	108.72
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	132.52	113.52	135.14	116.45	108.72
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	81.57	102.02	82.26	109.79	104.77
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước	113.52	102.86	113.02	102.40	104.42
- Thoát nước và xử lý nước thải	86.00	104.40	82.93	127.06	110.07
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	43.66	96.76	48.26	112.25	100.59

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU NGÀNH CÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 9 năm 2017	Ước tính 9 tháng năm 2017	Ước tháng 9 năm 2017 so với tháng 8 năm 2017 (%)	Ước 9 tháng năm 2017 so với 9 tháng năm 2016 (%)
- Đá xây dựng khác	M ³	4884	42765	102.4	77.8
- Sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường và chất ngọt khác các loại	1000 Lít	5135	41645	103.3	133.8
- Sữa và kem dạng bột, hạt hoặc các thể rắn khác có hàm lượng chất béo không quá 1,5% tính theo trọng lượng	Tấn	261	2412	94.6	106.7
- Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	1965	15943	121.7	104.6
- Bia các loại	1000 Lít	39049	258258	106.3	103.5
- Thuốc lá có đầu lọc	1000 Bao	108500	958462	94.4	101.6
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần sóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	575	6014	81.4	128.0
- Áo sơ mi cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	2349	16907	134.6	100.6
- Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	6777	57276	102.4	111.1
- Giày, dép các loại	1000 Đôi	1165	11158	97.1	109.4
- Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	6435	38552	100.6	115.6
- Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 Chiếc	12085	161489	106.5	196.4
- Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 Chiếc	24467	213084	106.8	119.1
- Giấy và bìa nhãn	Tấn	8320	85346	84.0	111.2
- Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh và các sản phẩm vệ sinh tương tự	Tấn	4311	36910	91.6	128.7
- Sổ sách, vở, giấy thép	Tấn	601	4871	103.1	65.6
- Phân bón các loại	Tấn	23614	256370	103.7	98.3
- Thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	Tấn	1013	11353	89.9	129.8
- Thuốc chứa Pênixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên	Triệu viên	36180	314790	140.8	94.3
- Thuốc chứa Pênixilin hoặc kháng sinh khác dạng bột/cốm	Kg	6324	83673	114.8	120.8
- Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	142582	2160779	53.5	115.8
- Dung dịch đạm huyết thanh	1000 Lít	865	6357	91.4	88.8
- Cửa ra vào, cửa sổ, khung và ngưỡng cửa của cửa ra vào bằng plasctic	Tấn	2207	17690	103.8	102.5
- Sản phẩm bằng plastic còn lại chưa được phân vào đâu	Tấn	2079	17311	86.1	122.1
- Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	213	1640	112.7	105.1
- Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	380349	2955986	108.8	108.4

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU NGÀNH CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 9 năm 2017	Ước tính 9 tháng năm 2017	Ước tháng 9 năm 2017 so với tháng 8 năm 2017 (%)	Ước 9 tháng năm 2017 so với 9 tháng năm 2016 (%)
- Thép không gỉ và thép hợp kim khác ở dạng bán thành phẩm	Tấn	3437	34327	99.9	84.6
- Ống khác không nối, mặt cắt hình tròn bằng thép không gỉ và thép hợp kim khác	Tấn	4200	34757	98.2	108.1
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M ²	59240	2057218	100.5	85.7
- Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng	Cái	382474	4067137	84.9	140.7
- Trạm (thiết bị) thu phát gốc	1000 Cái	213	1482	111.4	94.5
- Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng công suất sử dụng không quá 650 kVA	Chiếc	162	1218	101.9	112.6
- Máy biến áp dùng cho thiết bị đo lường có công suất ≤ 1 kVA	Chiếc	47	335	102.2	97.1
- Máy biến thế tăng/giảm điện áp, biến áp trượt, bộ ổn định điện áp có công suất ≤ 1kVA	Chiếc	108	927	102.9	65.9
- Máy biến thế điện khác có công suất > 16 kVA nhưng ≤ 500 kVA	Chiếc	33	2254	39.8	93.0
- Máy biến thế điện khác có công suất > 500 kVA	Chiếc	132	729	102.3	94.4
- Bộ phận của thiết bị phân phối và điều khiển điện	Tấn	57	465	101.8	129.5
- Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Cái	53275	416978	130.0	99.7
- Quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt mái, có động cơ gắn liền, với công suất không quá 125W	1000 Cái	163	2743	85.0	103.6
- Xe có động cơ dùng để chở dưới 10 người khác	Chiếc	547	7606	118.7	133.9
- Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nóng, có tổng trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	729	3108	112.2	84.5
- Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	1000 Cái	3161	19161	115.3	126.6
- Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	34749	325939	106.0	103.8
- Xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh > 50cc nhưng ≤ 250cc	Chiếc	77137	672668	100.7	105.6
- Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	17132	161610	91.5	118.4
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Chiếc	29459	341385	100.5	104.5
- Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	483245	4056037	101.9	118.0
- Ghế có khung bằng kim loại	Chiếc	234320	1909276	111.8	93.0
- Điện thương phẩm	Triệu Kwh	2024	15484	102.0	108.7
- Nước uống được	1000 M ³	17847	157752	99.9	102.5

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN

	Chính thức 9 tháng năm 2016 (Tỷ đồng)	Ước tính 9 tháng năm 2017 (Tỷ đồng)	Ước 9 tháng năm 2017 so với 9 tháng năm 2016 (%)
TỔNG SỐ	179988	198413	110.2
I. Vốn Nhà nước trên địa bàn	77366	78982	102.1
1. Vốn Trung ương quản lý	52738	53665	101.8
2. Vốn địa phương quản lý	24628	25317	102.8
II. Vốn ngoài Nhà nước	85084	100821	118.5
1. Vốn tự có của tổ chức, DN ngoài Nhà nước	64468	74355	115.3
2. Vốn đầu tư của dân cư	20616	26466	128.4
III. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	17538	18610	106.1
1. Vốn tự có	10584	11168	105.5
2. Vốn vay	6954	7442	107.0

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

I. TỔNG MỨC LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG XÃ HỘI

	Ước tính tháng 9 năm 2017 (Tỷ đồng)	Ước tính 9 tháng năm 2017 (Tỷ đồng)	Ước tháng 9 năm 2017 so với tháng 8 năm 2017 (%)	Ước 9 tháng năm 2017 so với 9 tháng năm 2016 (%)
1. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	208617	1718691	101.4	109.6
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	58200	494414	100.9	110.1
+ Kinh tế ngoài nhà nước	140717	1142941	101.6	109.4
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	9700	81336	101.0	109.3
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	156400	1225653	101.5	109.4
+ Khách sạn - nhà hàng	4380	37693	101.2	110.2
+ Du lịch lữ hành	900	7632	100.6	106.5
+ Dịch vụ	46937	447713	101.0	110.2
2. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	49775	405216	101.7	109.8
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	6570	55072	101.6	107.1
+ Kinh tế ngoài nhà nước	38415	308205	101.9	110.8
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4790	41939	100.5	106.4
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	26400	207746	101.6	111.6
+ Khách sạn - nhà hàng	4380	37693	101.2	110.2
+ Du lịch lữ hành	900	7632	100.6	106.5
+ Dịch vụ	18095	152145	102.1	107.4
3. Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)				
+ Kinh tế Nhà nước	13.2	13.6	-	-
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	77.2	76.1	-	-
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	9.6	10.3	-	-

II. KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

	Ước tính tháng 9 năm 2017 (Triệu USD)	Ước tính 9 tháng năm 2017 (Triệu USD)	Ước tháng 9 năm 2017 so với tháng 8 năm 2017 (%)	Ước 9 tháng năm 2017 so với 9 tháng năm 2016 (%)
Tổng kim ngạch XK trên địa bàn	969	8593	98.7	108.7
<i>Trong đó: XK địa phương</i>	805	7131	98.7	110.7
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	179	1597	98.4	100.1
- Kinh tế ngoài nhà nước	300	2693	97.4	106.5
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	490	4303	99.6	113.8
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Hàng nông sản	95	794	96.0	108.9
<i>Trong đó: + Gạo</i>	20	239	94.3	124.2
<i>+ Cà phê</i>	18	216	94.7	109.7
<i>+ Hạt tiêu</i>	7	82	95.9	81.2
<i>+ Chè</i>	9	68	97.9	116.7
- Hàng may, dệt	165	1156	98.2	99.9
- Giày dép các loại và SP từ da	22	188	95.7	107.7
- Hàng điện tử	54	452	96.4	141.1
- Linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi	140	1220	95.2	119.3
- Hàng thủ công mỹ nghệ	18	146	94.7	113.4
- Xăng dầu (tạm nhập, tái xuất)	41	490	97.6	139.8
- Máy móc thiết bị phụ tùng	165	1258	103.1	124.1
- Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	29	261	103.6	95.8
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	90	708	105.9	132.1
- Hàng hoá khác	150	1920	96.8	87.4

III. KIM NGẠCH NHẬP KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

	Ước tính tháng 9 năm 2017 (Triệu USD)	Ước tính 9 tháng năm 2017 (Triệu USD)	Ước tháng 9 năm 2017 so với tháng 8 năm 2017 (%)	Ước 9 tháng năm 2017 so với 9 tháng năm 2016 (%)
Tổng kim ngạch NK trên địa bàn	2690	21953	101.2	122.6
<i>Trong đó: NK địa phương</i>	<i>1200</i>	<i>9757</i>	<i>101.2</i>	<i>122.6</i>
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	1641	13449	101.2	123.0
- Kinh tế ngoài nhà nước	459	3749	101.8	125.3
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	590	4755	100.9	119.4
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Máy móc thiết bị, phụ tùng	715	5310	99.3	121.3
- Vật tư, nguyên liệu (trừ xăng dầu)	855	6990	100.6	111.4
<i>Trong đó: + Sắt thép</i>	<i>100</i>	<i>1104</i>	<i>104.2</i>	<i>102.4</i>
<i>+ Phân bón</i>	<i>18</i>	<i>168</i>	<i>105.9</i>	<i>109.4</i>
<i>+ Hoá chất</i>	<i>23</i>	<i>266</i>	<i>95.8</i>	<i>117.1</i>
<i>+ Chất dẻo</i>	<i>98</i>	<i>703</i>	<i>99.0</i>	<i>123.3</i>
<i>+ Xăng dầu</i>	<i>438</i>	<i>3062</i>	<i>101.4</i>	<i>152.4</i>
- Hàng hoá khác	1120	9654	102.9	132.9

IV. HOẠT ĐỘNG NGÀNH VẬN TẢI

	Ước tính tháng 9 năm 2017	Ước tính 9 tháng năm 2017	Ước tháng 9 năm 2017 so với tháng 8 năm 2017 (%)	Ước 9 tháng năm 2017 so với 9 tháng năm 2016 (%)
1. Doanh thu (Tỷ đồng)	6708	59372	100.7	107.3
a. Chia theo thành phần kinh tế				
+ Kinh tế Nhà nước	993	8767	100.4	107.0
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	4271	37759	100.9	107.3
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1444	12847	100.4	107.6
b. Chia theo ngành hoạt động				
+ Vận tải hàng hoá	2356	20972	100.5	107.9
+ Vận tải hành khách	1153	9890	101.4	107.9
+ Hỗ trợ vận tải (cảng, b.xếp, đại lý vận tải...)	3199	28510	100.7	106.7
2. Sản lượng				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu T)	58	511	100.5	108.4
- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu T.Km)	4674	41549	100.8	108.7
- Số lượt hành khách vận chuyển (Triệu HK)	45	392	100.9	106.9
- Số lượt HK luân chuyển (Triệu HK.Km)	1358	11763	100.5	110.1

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG, DU LỊCH LỮ HÀNH

	Ước tính tháng 9 năm 2017	Ước tính 9 tháng năm 2017	Ước tháng 9 năm 2017 so với tháng 8 năm 2017 (%)	Ước 9 tháng năm 2017 so với 9 tháng năm 2016 (%)
A. Doanh thu (Tỷ đồng)	5280	45325	101.1	109.6
I. Phân theo loại hình kinh tế				
1. Kinh tế nhà nước	208	1898	101.0	102.3
2. Kinh tế ngoài nhà nước	4289	36519	101.2	110.4
3. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	783	6908	100.7	107.5
II. Phân theo ngành hoạt động				
1. Doanh thu lưu trú	777	6654	100.9	103.2
2. Doanh thu ăn uống	3603	31039	101.2	111.8
3. Doanh thu lữ hành	900	7632	100.6	106.5
B. Khách du lịch (1000 Lượt khách)				
I. Khách đến Hà Nội	1150	10017	102.1	109.5
a. Khách trong nước	829	7368	100.7	104.2
Chia ra				
- Khách trong ngày	380	3343	101.3	106.6
- Khách ngủ qua đêm	449	4025	100.2	102.2
b. Khách quốc tế (do cơ sở lưu trú phục vụ)	321	2649	105.9	127.6
II. Khách do cơ sở lữ hành phục vụ	152	1288	102.0	118.0
- Khách quốc tế	86	693	106.2	121.4
- Khách trong nước	66	595	97.1	114.3

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ VÀNG VÀ CHỈ SỐ ĐÔ LA MỸ

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng Chín so với:			Bình quân cùng kỳ
	Tháng trước	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	
1. Chỉ số giá tiêu dùng	100.73	103.45	101.27	103.51
- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	100.30	99.10	98.57	99.00
+ Lương thực	100.22	103.17	101.29	102.86
+ Thực phẩm	100.42	98.22	97.70	97.97
+ Ăn uống ngoài gia đình	100.00	100.00	100.00	100.43
- Đồ uống và thuốc lá	100.04	102.17	101.94	102.18
- May mặc, mũ nón, giày dép	100.08	100.97	100.30	101.13
- Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	100.80	104.45	103.56	102.96
- Thiết bị và đồ dùng gia đình	100.15	101.33	100.98	101.32
- Thuốc và dịch vụ y tế	100.01	137.23	108.21	135.77
- Giao thông	101.36	106.66	104.09	107.24
- Bưu chính viễn thông	99.95	99.91	99.91	99.92
- Giáo dục	104.84	104.88	104.87	110.56
- Văn hoá, giải trí và du lịch	100.11	101.83	101.60	101.33
- Hàng hoá và dịch vụ khác	100.08	102.04	101.50	101.92
2. Chỉ số giá vàng	103.34	99.98	106.53	103.16
3. Chỉ số giá Đô la Mỹ	100.00	101.94	100.18	101.73

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
I. TIỀN ĐỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước tính kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
1. Trồng trọt				
Diện tích gieo trồng cây hàng năm				
- Lúa	Ha	97696	92959	95.2
- Ngô	"	3973	4205	105.8
- Khoai lang	"	375	350	93.3
- Đậu tương	"	1243	968	77.9
- Rau các loại	"	8654	8800	101.7
2. Chăn nuôi				
- Đàn Trâu	con	25233	24249	96.1
- Đàn Bò	"	145557	138090	94.9
- Đàn Lợn	"	1657785	1583877	95.5
- Đàn gia cầm	1000 con	26150	28427	108.7

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước tính kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
- Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	219.8	217.6	99.0
- Sản lượng gỗ khai thác	M ³	7040	7150	101.6
- Sản lượng củi khai thác	Ste	32925	33225	100.9
- Số vụ cháy rừng	Vụ	13	13	100.0
- Diện tích rừng bị cháy	Ha	4	61	1572.8
- Cây lâm nghiệp trồng phân tằm	1000 cây	772	790	102.3

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

III. KẾT QUẢ SẢN XUẤT THỦY SẢN

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước tính kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
I. Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	20070	20286	101.1
Trong đó:				
- Cá	Ha	20066	20282	101.1
II. Sản lượng thủy sản	Tấn	70815	73275	103.5
Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	69574	72018	103.5
Trong đó:				
- Cá	Tấn	69570	72014	103.5
Sản lượng thủy sản khai thác	Tấn	1241	1257	101.3

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

TÌNH HÌNH TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

	Đơn vị tính	Chính thức Tháng 8 năm 2017
1. Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	463
<i>Trong đó:</i>		
- Số vụ khám phá	Vụ	359
- Đối tượng bị bắt giữ	người	499
2. Tội phạm kinh tế		
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	203
- Đối tượng bị bắt giữ	người	211
3. Tội phạm ma túy		
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	255
- Đối tượng bị bắt giữ	người	305
4. Tội phạm môi trường		
- Số vụ phát hiện và xử lý	Vụ	813
- Đối tượng bị xử lý	người	817
5. Trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt		
- Số vụ tai nạn	Vụ	111
- Số người chết	Người	48
- Số người bị thương	Người	72

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

	Thực hiện đến tháng 8 năm 2017 (Tỷ đồng)	Ước tính đến tháng 9 năm 2017 (Tỷ đồng)	Ước tháng 9 năm 2017 so với tháng 8 năm 2017 (%)	Ước tháng 9 năm 2017 so với tháng 12 năm 2016 (%)
I. Nguồn vốn huy động	2489944	2527542	101.5	114.9
1. Tiền gửi	2345787	2382304	101.6	115.6
- Tiền gửi tiết kiệm	958287	968062	101.0	114.8
- Tiền gửi thanh toán	1387500	1414242	101.9	116.1
2. Phát hành giấy tờ có giá	144157	145238	100.7	105.7
<i>Trong đó: Đồng Việt Nam</i>	<i>144150</i>	<i>145231</i>	<i>100.7</i>	<i>105.7</i>
II. Tổng dư nợ	1511690	1534366	101.5	113.6
- Dư nợ ngắn hạn	576411	586554	101.8	115.5
- Dư nợ trung và dài hạn	935279	947812	101.3	112.5

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Ước thực hiện 9 tháng năm 2017 (Tỷ đồng)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2017 so với dự toán (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2017 so với 9 tháng năm 2016 (%)
I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	146422	71.5	116.2
1. Thu dầu thô	1689	93.8	123.4
2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	12958	75.4	115.7
3. Thu nội địa không kể dầu thô	131775	70.9	116.6
Trong đó:			
- Khu vực DNNN Trung ương	27327	48.4	107.7
- Khu vực DNNN địa phương	1769	67.2	117.0
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	16815	68.2	123.2
- Khu vực CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh	25197	72.2	124.0
- Thuế thu nhập cá nhân	13614	70.9	122.0
- Thu tiền sử dụng đất	23118	115.6	120.8
- Thu lệ phí trước bạ	3906	77.6	85.5
II. CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG	41703	53.6	...
Trong đó:			
- Chi đầu tư phát triển	17060	51.0	...
- Chi thường xuyên	24643	58.9	...